

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT B  
TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1,  
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Chủ tịch
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Thành viên
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Lê Anh Long	Thành viên
Ông Lê Huy Đông	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Khương Tịnh	Trưởng ban
Ông Huỳnh Nguyên Văn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Cần	Giám đốc
Bà Trương Thị Hào	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Lộc	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1,  
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Nguyễn Văn Căn**  
**Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018



RSM Vietnam

Chi nhánh Miền Trung  
Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam  
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

T +84236 363 3334  
F +84236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số 08/2018/BCKT-RSMMT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01/02/2018 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông (Trong đó: số dư quỹ đầu tư phát triển hình thành từ khoản miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần 2.069.586.200 đồng, số tiền còn lại 3.930.413.800 đồng được hình thành từ lợi nhuận sau thuế trích lập sau khi đã chuyển sang công ty cổ phần theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm). Việc chuyển số tiền trên từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27/02/2017.



**Trần Dương Nghĩa**  
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1309-2018-026-1

A blue ink signature of Kim Văn Việt.

**Kim Văn Việt**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Chi nhánh Miền Trung**  
Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1,  
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>22.520.228.253</b>	<b>24.852.500.390</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>9.812.310.712</b>	<b>12.321.869.526</b>
1. Tiền	111		2.912.310.712	921.869.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.900.000.000	11.400.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	-	<b>2.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	2.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.693.772.271</b>	<b>1.233.381.061</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.695.339.836	1.166.520.816
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	55.042.356
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	29.743.435	43.128.889
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(31.311.000)	(31.311.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.6</b>	<b>10.985.554.566</b>	<b>9.273.619.010</b>
1. Hàng tồn kho	141		11.039.886.311	9.273.619.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(54.331.745)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>28.590.704</b>	<b>23.630.793</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	5.520.124	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	23.070.580	23.630.793
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>28.913.996.923</b>	<b>29.019.158.359</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.830.494.016</b>	<b>20.133.956.988</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	4.608.980.657	3.912.443.629
Nguyên giá	222		15.156.462.518	14.029.254.785
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.547.481.861)	(10.116.811.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	16.221.513.359	16.221.513.359
Nguyên giá	228		16.221.513.359	16.221.513.359
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>4.9</b>	<b>7.888.347.798</b>	<b>8.677.996.741</b>
1. Nguyên giá	231		22.176.419.173	21.921.996.540
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.288.071.375)	(13.243.999.799)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>195.155.109</b>	<b>207.204.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	195.155.109	207.204.630
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>51.434.225.176</b>	<b>53.871.658.749</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**

76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1,  
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.910.253.136</b>	<b>8.793.798.880</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.406.692.736</b>	<b>7.512.002.404</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	8.379.629.597	5.939.829.068
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.005.645	4.306.495
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	538.908.954	737.103.950
4. Phải trả người lao động	314		588.889.543	147.893.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	28.892.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	716.492.326	505.992.646
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	872.636.147	145.441.778
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		272.238.524	31.434.693
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>503.560.400</b>	<b>1.281.796.476</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	503.560.400	1.281.796.476
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>39.523.972.040</b>	<b>45.077.859.869</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.16</b>	<b>39.523.972.040</b>	<b>45.077.859.869</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.707.300.000	2.707.300.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		589.937.598	6.285.694.321
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.226.734.442	6.084.865.548
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		-	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.226.734.442	6.084.865.548
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>51.434.225.176</b>	<b>53.871.658.749</b>



**Nguyễn Văn Cần**  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**Lê Mạnh**  
Kế toán trưởng

**Phạm Mai Anh**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	77.541.795.203	71.464.956.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	151.575.000	159.164.594
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.390.220.203	71.305.792.347
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	55.448.354.690	51.389.786.447
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.941.865.513	19.916.005.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	438.532.926	765.190.570
7. Chi phí tài chính	22	5.5	33.297.534	2.040.372
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		33.297.534	2.040.372
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	11.582.786.284	11.075.553.144
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	3.004.616.046	2.483.298.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.759.698.575	7.120.303.994
11. Thu nhập khác	31	5.8	556.024.379	664.337.308
12. Chi phí khác	32	5.9	401.462.069	100.627.472
13. Lợi nhuận khác	40		154.562.310	563.709.836
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.914.260.885	7.684.013.830
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	1.606.152.443	1.531.948.282
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.308.108.442	6.152.065.548
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	1.972	1.901
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	1.972	1.901



*(Signature)*  
Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

*(Signature)*  
Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

*(Signature)*  
Phạm Mai Anh  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.914.260.885	7.684.013.830
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.474.742.281	1.855.755.296
Các khoản dự phòng	03		54.331.745	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(323.817.545)	(660.834.783)
Chi phí lãi vay	06		33.297.534	2.040.372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>9.152.814.900</b>	<b>8.880.974.715</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(502.959.886)	174.362.076
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.766.267.301)	(666.957.447)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.045.144.161	(902.901.978)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.529.397	(51.420.968)
Tiền lãi vay đã trả	14		(33.297.534)	(2.040.372)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.834.418.309)	(1.598.331.986)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(217.025.440)	(204.610.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>7.850.519.988</b>	<b>5.629.074.040</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.315.232.696)	(5.159.372.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	70.706.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	490.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		366.946.434	589.142.307
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.051.713.738</b>	<b>(6.009.523.942)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	4.700.000.000	1.311.668.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(4.700.000.000)	(1.311.668.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(11.411.792.540)	(4.267.016.690)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.411.792.540)</b>	<b>(4.267.016.690)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(2.509.558.814)</b>	<b>(4.647.466.592)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.321.869.526	16.969.336.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>9.812.310.712</b>	<b>12.321.869.526</b>



Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC ĐÀ NẴNG**76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1,  
Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu B 09 – DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 05 năm 2004, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400465793 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 16 tháng 01 năm 2014.

Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 635/QĐ-SGDHN ngày 30 tháng 09 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Cần	Việt Nam	7.143.950.000	23,81	7.143.950.000	23,81
Ông Thái Văn May	Việt Nam	3.516.900.000	11,72	3.516.900.000	11,72
Ông Lê Trường Kỳ	Việt Nam	6.245.800.000	20,82	6.245.800.000	20,82
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Việt Nam	5.000.000.000	16,67	5.000.000.000	16,67
Vốn góp của các cổ đông khác		8.093.350.000	26,98	8.093.350.000	26,98
<b>Cộng</b>		<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 76-78 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 121 người (31 tháng 12 năm 2016 là: 118).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: bán buôn sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách mở rộng và nâng cao kiến thức, giấy vở, thiết bị dạy và học, văn phòng phẩm;
- In ấn. Chi tiết: in ấn sách giáo khoa, biểu mẫu, hồ sơ sổ sách phục vụ ngành giáo dục và in bao bì giấy nhựa. In gia công, tham gia khai thác các loại ấn phẩm khác;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, dụng cụ nghe nhìn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh, kho;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi. Chi tiết: sản xuất đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: sản xuất trang thiết bị cho phòng thí nghiệm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: sản xuất dụng cụ nghe nhìn;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: sản xuất thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm dạy học, sản phẩm điện tử;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: bán buôn đồ chơi trẻ em, đồ chơi mẫu giáo, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, phần mềm vi tính dạy học, sản phẩm điện tử. Xuất nhập khẩu sản phẩm văn hóa phẩm giáo dục, văn phòng phẩm, thiết bị vi tính, điện tử, giấy in các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế mỹ thuật, tạo mẫu;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: nhận ủy thác mua bán, xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: tư vấn cho ngành giáo dục về công tác sách và thiết bị trường học, tham gia hỗ trợ chuyên môn và phát triển công tác sách, thiết bị, thư viện nhà trường.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
1 Nhà sách Đà Nẵng	76 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
2 Nhà sách Đà Nẵng 3	409 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
3 Nhà sách Hòa Khánh	812 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
4 Nhà sách Cẩm Lệ	42 Ông Ích Đường, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
5 Nhà sách Thanh Khê	722 Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
6 Nhà in	98 Núi Thành, Phường Hòa Thuận, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

#### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

#### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

#### 3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### 3.3. Đầu tư tài chính

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

#### 3.4. Nợ phải thu

##### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.5. Hàng tồn kho**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

#### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

#### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

#### **Năm 2017**

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	2 – 7 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	4 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

### **3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### **Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

### **3.8. Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

#### **Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

#### **Năm 2017**

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư (BĐSDT) hoặc từ BĐSĐT sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp sau:

- BĐSĐT chuyển thành bất động sản chủ sở hữu sử dụng khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này;
- Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành BĐSĐT khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa BĐSĐT với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

#### **3.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 năm đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.10. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.11. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

#### **3.12. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 3.13. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

##### *Quỹ dự trữ*

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

##### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.14. Doanh thu, thu nhập khác

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

##### *Lãi tiền gửi*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### 3.15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.16. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng và các khoản chi phí trích theo lương, chi phí khấu hao tài sản cố định, các chi phí giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.19. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật,...: không chịu thuế;
- Các loại sách khác và thiết bị văn phòng phẩm: 5% - 10%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**3.24. Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	34.603.586	95.743.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.877.707.126	826.125.886
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	6.900.000.000	11.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.812.310.712</b>	<b>12.321.869.526</b>

4.2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu từ khách hàng:	1.549.655.336	1.130.876.816
Công ty TNHH Thiết bị Giáo dục Hồng Anh	198.000.000	-
Công ty TNHH TM & DV Thịnh Anh	191.095.237	-
Công ty TNHH TM và DV Tân Tây Lan	126.660.680	291.452.252
Công ty TNHH MTV ABLINE	170.039.600	129.477.754
Công ty TNHH In và Quảng cáo Hoa Huân	78.860.000	131.750.000
Các khách hàng khác	784.999.819	578.196.810
Phải thu khách hàng là bên liên quan - xem thêm mục 8	145.684.500	35.644.000
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng Dinco	103.419.500	35.644.000
Công ty CP Pacific Dinco	42.265.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.695.339.836</b>	<b>1.166.520.816</b>

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	23.872.343	-	-	-
Lãi dự thu	-	-	43.128.889	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	5.871.092	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.743.435</b>	<b>-</b>	<b>43.128.889</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	31.311.000	-	31.311.000	-
<b>Cộng</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khách hàng này đã ngừng hoạt động kinh doanh nhưng chưa làm thủ tục đóng mã số thuế.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND			Tại ngày 01/01/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	31.311.000	-	Trên 3 năm	31.311.000	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>31.311.000</b>	<b>-</b>		<b>31.311.000</b>	<b>-</b>	

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	263.207.426	-	540.403.821	-
Thành phẩm	403.114.632	-	103.485.214	-
Hàng hóa	10.373.564.253	54.331.745	8.629.729.975	-
<b>Cộng</b>	<b>11.039.886.311</b>	<b>54.331.745</b>	<b>9.273.619.010</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 108.663.490 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ là 0 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2017	6.886.437.468	4.327.308.507	2.661.352.456	154.156.354	14.029.254.785
Mua trong năm	-	148.000.000	-	-	148.000.000
Đầu tư XDDB hoàn thành	1.233.630.366	-	-	-	1.233.630.366
Chuyển sang BĐS đầu tư	(254.422.633)	-	-	-	(254.422.633)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>7.865.645.201</b>	<b>4.475.308.507</b>	<b>2.661.352.456</b>	<b>154.156.354</b>	<b>15.156.462.518</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2017	4.085.512.501	4.243.899.145	1.633.243.156	154.156.354	10.116.811.156
Khấu hao trong năm	283.239.963	59.785.676	190.556.573	-	533.582.212
Chuyển sang BĐS đầu tư	(102.911.507)	-	-	-	(102.911.507)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>4.265.840.957</b>	<b>4.303.684.821</b>	<b>1.823.799.729</b>	<b>154.156.354</b>	<b>10.547.481.861</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2017	2.800.924.967	83.409.362	1.028.109.300	-	3.912.443.629
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>3.599.804.244</b>	<b>171.623.686</b>	<b>837.552.727</b>	<b>-</b>	<b>4.608.980.657</b>

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.433.432.081 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.169.306.282 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2017	16.221.513.359	16.221.513.359
Mua trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>16.221.513.359</b>	<b>16.221.513.359</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2017	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2017	16.221.513.359	16.221.513.359
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>16.221.513.359</b>	<b>16.221.513.359</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 5.330.204.600 VND.

**4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2017 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà	21.921.996.540	254.422.633	-	22.176.419.173
<b>Cộng</b>	<b>21.921.996.540</b>	<b>254.422.633</b>	<b>-</b>	<b>22.176.419.173</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	13.243.999.799	941.160.069	-	14.185.159.868
Chuyển từ TSCĐ HH	-	102.911.507	-	102.911.507
<b>Cộng</b>	<b>13.243.999.799</b>	<b>1.044.071.576</b>	<b>-</b>	<b>14.288.071.375</b>
Giá trị còn lại:				
Nhà	8.677.996.741			7.888.347.798
<b>Cộng</b>	<b>8.677.996.741</b>			<b>7.888.347.798</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 7.315.895.174 VND.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 6.303.114.330 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

**4.10. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất	5.520.124	-
<b>Cộng</b>	<b>5.520.124</b>	<b>-</b>
Dài hạn		
Chi phí thuê đất	-	71.761.686
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	195.155.109	135.442.944
<b>Cộng</b>	<b>195.155.109</b>	<b>207.204.630</b>

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Sách MCBOOKS	8.337.286.006	8.337.286.006	5.851.827.704	5.851.827.704
Công ty TNHH TM & DV VH Bảo Long	568.791.770	568.791.770	187.566.050	187.566.050
Công ty CP Giáo dục Đại Trường Phát	436.482.099	436.482.099	271.410.924	271.410.924
Công ty TNHH MTV DVVH Khang Việt	352.151.481	352.151.481	31.923.562	31.923.562
Phải trả cho các đối tượng khác	1.164.346.713	1.164.346.713	691.850.863	691.850.863
Phải trả cho người bán là bên liên quan – xem thêm mục 8	5.815.513.943	5.815.513.943	4.669.076.305	4.669.076.305
	42.343.591	42.343.591	88.001.364	88.001.364
<b>Cộng</b>	<b>8.379.629.597</b>	<b>8.379.629.597</b>	<b>5.939.829.068</b>	<b>5.939.829.068</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	239.401.786	1.661.559.789	1.633.358.019	-	211.200.016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	295.778.068	1.606.152.443	1.834.418.309	-	524.043.934
Thuế thu nhập cá nhân	23.070.580	3.729.100	620.536.949	618.107.636	23.630.793	1.860.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	393.810.826	393.810.826	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	8.000.000	8.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.070.580</b>	<b>538.908.954</b>	<b>4.290.060.007</b>	<b>4.487.694.790</b>	<b>23.630.793</b>	<b>737.103.950</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí vận chuyển sách	28.892.000	-
<b>Cộng</b>	<b>28.892.000</b>	<b>-</b>

**4.14. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
BHXH, BHYT, BHTN	-	632.988
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	727.131.076	20.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	22.009.396	33.801.936
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.495.675	91.006.854
<b>Cộng</b>	<b>872.636.147</b>	<b>145.441.778</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	503.560.400	1.281.796.476
<b>Cộng</b>	<b>503.560.400</b>	<b>1.281.796.476</b>

**4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê nhà	688.634.871	461.049.736
Doanh thu chưa thực hiện khác	27.857.455	44.942.910
<b>Cộng</b>	<b>716.492.326</b>	<b>505.992.646</b>
Trong đó, doanh thu nhận trước bên liên quan – xem thêm mục 8	258.676.364	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	30.000.000.000	2.707.300.000	6.047.672.930	4.680.427.821	43.435.400.751
Lãi trong năm trước	-	-	-	6.152.065.548	6.152.065.548
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	238.021.391	(238.021.391)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(4.284.000.000)	(4.284.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(158.406.430)	(158.406.430)
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(67.200.000)	(67.200.000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	30.000.000.000	2.707.300.000	6.285.694.321	6.084.865.548	45.077.859.869
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.308.108.442	6.308.108.442
Chuyển quỹ ĐTP sang LNST (*)	-	-	(6.000.000.000)	6.000.000.000	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	304.243.277	(304.243.277)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(11.400.000.000)	(11.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(380.622.271)	(380.622.271)
Trả thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(81.374.000)	(81.374.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>2.707.300.000</b>	<b>589.937.598</b>	<b>6.226.734.442</b>	<b>39.523.972.040</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(\*) Trong năm 2017, Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng đã thực hiện việc chuyển quỹ đầu tư phát triển vào nguồn lợi nhuận sau thuế số tiền 6.000.000.000 đồng, để chia cổ tức cho các cổ đông. Trong đó: số dư quỹ đầu tư phát triển hình thành từ khoản miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần 2.069.586.200 đồng, số tiền còn lại 3.930.413.800 đồng được hình thành từ lợi nhuận sau thuế trích lập sau khi đã chuyển sang công ty cổ phần theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ông Nguyễn Văn Cản	7.143.950.000	7.143.950.000
Ông Thái Văn May	3.516.900.000	3.516.900.000
Ông Lê Trường Kỳ	6.245.800.000	6.245.800.000
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	8.093.350.000	8.093.350.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

**4.16.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	3.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.308.108.442	6.152.065.548
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	81.374.000	67.200.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST trừ thù lao HĐQT và BKS)	311.336.722	380.622.271
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	5.915.397.720	5.704.243.277
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.972</b>	<b>1.901</b>

**4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.308.108.442	6.152.065.548
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	311.336.722	380.622.271
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận sau thuế TNDN	81.374.000	67.200.000
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.915.397.720	5.704.243.277
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.972</b>	<b>1.901</b>

Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2016 được tính lại giảm trừ quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**4.16.7. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22 tháng 04 năm 2017 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 38% trên vốn điều lệ; ngày đăng ký cuối cùng là ngày 23/05/2017 và thực hiện chi trả từ ngày 01/06/2017.

**4.16.8. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2017	6.285.694.321
Trích trong năm	304.243.277
Chi trong năm	(6.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>589.937.598</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	68.160.008.944	62.311.302.390
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	9.381.786.259	9.153.654.551
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.541.795.203</b>	<b>71.464.956.941</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty TNHH Nguyên Huy	36.069.092	42.067.270
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	294.451.818	45.876.363
Công ty CP Pacific DINCO	82.274.363	-

**5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	151.575.000	159.164.594
<b>Cộng</b>	<b>151.575.000</b>	<b>159.164.594</b>

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	50.778.091.150	47.394.361.012
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.240.508.626	1.992.375.118
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	2.429.754.914	2.003.050.317
<b>Cộng</b>	<b>55.448.354.690</b>	<b>51.389.786.447</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	323.817.545	498.703.419
Lãi bán các khoản đầu tư	-	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	56.425.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	114.715.381	175.062.151
<b>Cộng</b>	<b>438.532.926</b>	<b>765.190.570</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.5. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	33.297.534	2.040.372
<b>Cộng</b>	<b>33.297.534</b>	<b>2.040.372</b>

## 5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	7.779.886.254	7.039.572.921
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	379.280.051	186.720.875
Chi phí khấu hao TSCĐ	313.392.271	249.327.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.584.672.744	3.506.697.332
Chi phí bằng tiền khác	525.554.964	93.234.454
<b>Cộng</b>	<b>11.582.786.284</b>	<b>11.075.553.144</b>

## 5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.198.227.506	1.933.099.872
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.317.357	28.301.364
Chi phí khấu hao TSCĐ	161.224.953	136.847.971
Thuế, phí, lệ phí	214.153.776	162.651.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.034.679	59.655.045
Chi phí bằng tiền khác	285.657.775	162.742.986
<b>Cộng</b>	<b>3.004.616.046</b>	<b>2.483.298.960</b>

## 5.8. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	70.706.364
Tiền phạt hợp đồng	66.990.000	71.129.900
Thu thanh lý vật tư, hàng hóa	1.527.273	28.406.727
Thu chênh lệch công nợ	178.005.537	67.496.270
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	7.294.783	-
Thu vận chuyển, lắp ráp	218.283.842	105.808.791
Thu nhập khác	83.922.944	320.789.256
<b>Cộng</b>	<b>556.024.379</b>	<b>664.337.308</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Phí niêm yết trả cho Sở GD CK Hà Nội	15.000.000	15.000.000
Phí trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán	5.000.000	10.000.000
Phạt vi phạm hành chính	108.788.011	6.052.580
Thanh lý vật tư, hàng hóa	124.958.102	56.302.156
Chi vận chuyển, lắp ráp	132.290.909	5.100.000
Hỗ trợ giáo dục	9.000.000	-
Các khoản khác	6.425.047	8.172.736
<b>Cộng</b>	<b>401.462.069</b>	<b>100.627.472</b>

**5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí hàng hóa	50.723.759.405	47.394.361.012
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.753.125.133	1.130.166.484
Chi phí nhân công	10.672.855.593	9.639.850.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.474.742.281	463.752.951
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	54.331.745	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.503.274.468	3.848.346.923
Chi phí khác bằng tiền	1.208.930.374	514.680.412
<b>Cộng</b>	<b>70.391.018.999</b>	<b>62.991.158.168</b>

**5.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	7.914.260.885	7.684.013.830
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	138.288.011	32.152.580
+ <i>Phí niêm yết</i>	15.000.000	15.000.000
+ <i>Phí thực hiện quyền trả Trung tâm lưu ký</i>	5.000.000	10.000.000
+ <i>Chi phí khác</i>	118.288.011	7.152.580
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(21.786.682)	(56.425.000)
+ <i>Cổ tức được chia</i>	-	(56.425.000)
+ <i>Các khoản phải trả nhà cung cấp đã truy thu thuế theo Quyết định thanh tra thuế năm 2014-2015</i>	(21.786.682)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	8.030.762.214	7.659.741.410
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.606.152.443</b>	<b>1.531.948.282</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	4.700.000.000	1.311.668.000
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>1.311.668.000</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.700.000.000	1.311.668.000
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>1.311.668.000</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có hoạt động chính là kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, cho thuê mặt bằng văn phòng, nhà xưởng và không có các chi nhánh tại các địa phương khác. Vì vậy, Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

- Kinh doanh sách, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, thiết bị giáo dục, in ấn;
- Cho thuê mặt bằng, dịch vụ.

	Kinh doanh sách, VPP		Cho thuê mặt bằng		Tổng cộng	
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>						
Doanh thu	68.160.008.944	62.311.302.390	9.381.786.259	9.153.654.551	77.541.795.203	71.464.956.941
Các khoản giảm trừ doanh thu	151.575.000	159.164.594	-	-	151.575.000	159.164.594
Giá vốn	53.018.599.776	49.386.736.130	2.429.754.914	2.003.050.317	55.448.354.690	51.389.786.447
Chi phí không phân bổ					14.587.402.330	13.558.852.104
Thu nhập khác					556.024.379	664.337.308
Chi phí khác					401.462.069	100.627.472
Thu nhập tài chính					438.532.926	765.190.570
Chi phí tài chính					33.297.534	2.040.372
Lợi nhuận trước thuế					7.914.260.885	7.684.013.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp					1.606.152.443	1.531.948.282
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>6.308.108.442</b>	<b>6.152.065.548</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	<u>Kinh doanh sách, VPP</u>		<u>Cho thuê mặt bằng</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản cố định	20.830.494.016	20.133.956.988	7.888.347.798	8.677.996.741	28.718.841.814	28.811.953.729
Tài sản không phân bổ					22.715.383.362	25.059.705.020
<b>Tổng tài sản</b>					<b>51.434.225.176</b>	<b>53.871.658.749</b>
	<u>Kinh doanh sách, VPP</u>		<u>Cho thuê mặt bằng</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	9.101.941.267	6.855.181.291	1.947.183.802	1.759.289.122	11.049.125.069	8.614.470.413
Nợ phải trả không phân bổ					861.128.067	179.328.467
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>11.910.253.136</b>	<b>8.793.798.880</b>

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Nguyễn Huy
- Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO
- Công ty CP Pacific DINCO
- HĐQT và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Giám đốc Công ty Nguyễn Huy là cổ đông lớn của Công ty Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng Kỹ thuật Dinco là thành viên HĐQT của Công ty Chủ tịch HĐQT Công ty Pacific Dinco là thành viên HĐQT của Công ty Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>
	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu:		
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	103.419.500	35.644.000
Công ty CP Pacific DINCO	42.265.000	-
<b>Cộng – xem thêm mục 4.3</b>	<b>145.684.500</b>	<b>35.644.000</b>
Phải trả:		
Công ty TNHH Nguyễn Huy	42.343.591	88.001.364
<b>Cộng – xem thêm mục 4.11</b>	<b>42.343.591</b>	<b>88.001.364</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Nguyên Huy	36.069.092	42.067.270
Công ty CP Kỹ thuật Xây dựng DINCO	294.451.818	45.876.363
Công ty CP Pacific DINCO	82.274.363	-
<b>Cộng</b> – Xem thêm mục 5.1	<b>412.795.273</b>	<b>87.943.633</b>
	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Doanh thu nhận trước		
Công ty TNHH Nguyên Huy	258.676.364	-
<b>Cộng</b> – Xem thêm mục 4.15	<b>258.676.364</b>	<b>-</b>
	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Chi phí mua hàng:		
Công ty TNHH Nguyên Huy	1.708.198.398	1.519.302.586
<b>Cộng</b>	<b>1.708.198.398</b>	<b>1.519.302.586</b>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Thù lao HĐQT	60.000.000	60.000.000
Lương Ban Giám đốc	733.355.106	685.677.871
<b>Cộng</b>	<b>793.355.106</b>	<b>745.677.871</b>

**8.1. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<b>Năm 2017 VND</b>	<b>Năm 2016 VND</b>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	32.400.000	32.400.000

**8.2. Công cụ tài chính**

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
  - + Rủi ro tiền tệ;
  - + Rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính:</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.812.310.712	12.321.869.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.664.028.836	1.135.209.816
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.476.339.548</b>	<b>15.457.079.342</b>
<b>Công nợ tài chính:</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.720.210.743	7.306.832.398
Chi phí phải trả	28.892.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.749.102.743</b>	<b>7.306.832.398</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	-	9.245.542.343	9.245.542.343
Từ 1 – 3 năm	-	503.560.400	503.560.400
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>-</b>	<b>9.749.102.743</b>	<b>9.749.102.743</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Vay và nợ VND</u>	<u>Nợ phải trả VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Dưới 01 năm	-	6.025.035.922	6.025.035.922
Từ 1 – 3 năm	-	1.281.796.476	1.281.796.476
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>-</b>	<b>7.306.832.398</b>	<b>7.306.832.398</b>

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

**9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Căn  
Giám đốc  
Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Lê Mạnh  
Kế toán trưởng

Phạm Mai Anh  
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG  
Số: /STB

V/v "Kết luận ngoại trừ của kiểm toán viên  
về báo cáo tài chính năm 2017"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 2 năm 2018

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng  
Địa chỉ : 76-78 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng  
Mã chứng khoán: BED. Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội(HNX)  
Ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần: 24/05/2004 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.  
Nhà nước đã thoái toàn bộ vốn vào ngày 06/05/2016

**Nội dung của thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng được lập ngày 01/02/2018 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm 2017.

**Nội dung giải trình:**

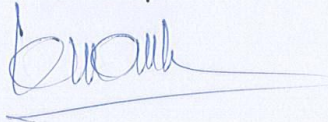
Trong Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam- Chi nhánh Miền Trung, Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ như sau: "Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 22 tháng 4 năm 2017 đã thông qua phương án chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông( Trong đó: Số dư quỹ đầu tư phát triển hình thành từ khoản miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu từ Doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần 2.069.586.200 đồng, số tiền còn lại 3.930.413.800 đồng được hình thành từ lợi nhuận sau thuế trích lập sau khi đã chuyển sang công ty cổ phần theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm.) Việc chuyển số tiền trên từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức cho các cổ đông là chưa phù hợp theo qui định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính."

Vấn đề này Công ty xin giải trình như sau: Tại ngày 31/12/2016, nguồn quỹ Đầu tư phát triển của Công ty có số dư 6.285.694.321 đồng, đây là số dư lũy kế trích lập từ sau ngày công ty chuyển sang hình thức công ty cổ phần, được hình thành từ 2 nguồn là: Lợi nhuận sau thuế trích lập quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm và số thuế TNDN được miễn giảm của các năm 2004,2005,2006 và 2007.

Xét thấy kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm từ sau khi cổ phần hoá ổn định, có lãi và chưa có nhu cầu đầu tư bổ sung vốn và Nghị định 24/2007/NĐ-CP ( khoản 2 Điều 46) đã bãi bỏ các ưu đãi về thuế TNDN khi chuyển công ty nhà nước sang công ty cổ phần nên tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017 các cổ đông đã biểu quyết thông qua việc chuyển số tiền 6.000.000.000 đồng từ quỹ đầu tư phát triển sang lợi nhuận sau thuế để chia cổ tức.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI LẬP



GIAM ĐOC  
GIAM ĐOC  
Nguyễn Văn Cần



**CÔNG TY CP SÁCH VÀ TBTH ĐÀ NẴNG**  
**Mã chứng khoán: BED**  
**Địa chỉ: 76-78 Bạch Đằng, Đà Nẵng**

**GIẢI TRÌNH LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2017 SAU KIỂM TOÁN  
GIẢM SO VỚI LŨY KẾ TẠI BÁO CÁO QUÝ 4 NĂM 2017**

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Lợi nhuận kế toán trước thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam- CN Miền trung là 7.914.260.885 đồng, so với lợi nhuận kế toán trước thuế lũy kế tại báo cáo tài chính quý 4/2017 là 8.699.332.166 đồng, giảm 785.071.281 đồng, tương ứng giảm 9,02%.

Số giảm này là do hai nguyên nhân sau:

- Công ty trích thêm quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 quyết toán theo kết quả trong năm : 730.739.536 đồng
- Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho : 54.331.745 đồng

1/ Quỹ tiền lương hàng năm của công ty được đăng ký với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội TP Đà Nẵng.

Công ty vận dụng Thông tư 26-27/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 01/09/2016 để xác định quỹ tiền lương kế hoạch.

Quỹ tiền lương thực hiện căn cứ vào năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện trong năm để quyết toán.

Trong năm, công ty đã trích vào chi phí đúng quỹ tiền lương kế hoạch xây dựng được Hội đồng quản trị công ty thông qua.

Qua kiểm toán báo cáo tài chính, đơn vị kiểm toán đề nghị công ty điều chỉnh số trích quỹ lương theo quyết toán tiền lương thực hiện của năm 2017 để bảo đảm chi phí phù hợp với doanh thu thực tế.

Do đó, công ty đã trích thêm quỹ tiền lương thực hiện 2017 là: 730.739.536 đồng

2/ Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho

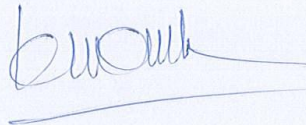
Căn cứ danh mục hàng hoá kiểm kê quý 4/2017, các phòng nghiệp vụ kinh doanh chuyên môn đã phân loại một số đầu sách giáo dục bao gồm sách giáo khoa và sách tham khảo giáo dục vẫn còn giá trị sử dụng nhưng có năm xuất bản từ 2014 trở về trước để trích lập dự phòng giảm giá.

Mức dự phòng 50% giá vốn. Tổng giá trị trích dự phòng là: 54.331.745 đồng

Trên đây là những giải trình về nguyên nhân làm lợi nhuận trước thuế năm 2017 của Công ty giảm so với báo cáo tài chính được kiểm toán.

Công ty kính giải trình.

**NGƯỜI LẬP**



**Nơi gửi:**  
Như trên  
Lưu HC-TC

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 02 năm 2018

